

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *52* /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 04 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. // *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- TT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, TTTH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Võ Ngọc Thành

QUY CHẾ

**Phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật
để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 52 /QĐ-UBND
ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về trách nhiệm phối hợp giữa Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan, đơn vị trong việc cung cấp và cập nhật văn bản QPPL vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 3. Nội dung phối hợp

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và Sở Tư pháp phối hợp cung cấp văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thời hạn cung cấp văn bản

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành văn bản QPPL, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản đã được ký ban hành (bản giấy và bản điện tử) đến Sở Tư pháp để thực hiện cập nhật văn bản.

2. Những văn bản quy phạm pháp luật dưới đây phải được gửi ngay đến đơn vị thực hiện việc cập nhật văn bản trong ngày ký ban hành:

a) Văn bản quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp, văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Văn bản có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Cập nhật đầy đủ các thông tin của văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Việc cập nhật văn bản thực hiện theo quy trình tại Điều 14 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP.

3. Thực hiện việc kiểm tra kết quả cập nhật quy định tại Điều 15 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp, Sở Tư pháp phải đăng tải văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Quy chế này, Sở Tư pháp phải đăng tải văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

5. Tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc báo cáo về tình hình cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản giấy và văn bản điện tử (bao gồm cả định dạng word và pdf) cho Sở Tư pháp (văn bản điện tử gửi qua địa chỉ email: vb.stp@gialai.gov.vn) để thực hiện cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, theo dõi và báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quy định của Quy chế này tại cơ quan, đơn vị mình.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Wong

Võ Ngọc Thành